TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày: 02-8-2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Huỳnh Minh Trí
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Phong
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Văn Sỉ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Thị Mai Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 61/2024/QĐST-DS ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1963, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà Võ Thị Bé H1, sinh năm: 1971, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm: 1972, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà Huỳnh Thị L, sinh năm: 1978, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1950, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà Võ Thị Ph, sinh năm: 1972, trú tại: ấp Ph, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre;

Bà H, bà H, bà Tr, bà L, bà S, bà Ph cùng ủy quyền cho Nguyễn Minh Kh, sinh năm: 1981. Trú tại: ấp Th, xã Th, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (văn bản ủy quyền ngày 21/4/2023 và ngày 24/4/2023) có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn D, sinh năm: 1970; bà Đoàn Thị Ph, sinh năm: 1974. Cùng trú tại: ấp Phú L, xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 20/01/2023, chị Ph và anh D có vay của bà Huỳnh Thị H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn D và chị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), bà H yêu cầu tính lãi đối với số tiền 30.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (18,5 tháng) với số tiền 4.625.000đ, tổng cộng 34.625.000đ (Ba mươi bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Ngày 04/5/2022, chị Ph và anh D có vay của bà Võ Thị Bé H1 (tên thường gọi là Võ Thị T) số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Ngày 23/4/2022, chị Ph và anh D có vay của bà Võ Thị Bé H1 (tên thường gọi Võ Thị T) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà Bé H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn D và chị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), bà Bé H1 yêu cầu tính lãi đối với số tiền 60.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (27 tháng) với số tiền: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng),

tổng cộng 73.500.000đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Ngày 20/6/2022, chị Ph và anh D có vay của bà Nguyễn Thị Tr số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 05 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Ngày 18/01/2023, chị Ph và anh D có vay của bà Nguyễn Thị Tr số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn Dự vàchị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 40.000.000đ (Bốn triệu đồng). Bà Tr yêu cầu tính lãi đối với số tiền 30.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 20/6/2022 đến ngày xét xử vụ án ngày 02/8/2024 với số tiền 6.375.000đ (Sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng); Tổng cộng 46.375.000đ (Bốn mươi sáu triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Không yêu cầu tính lãi đối với số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

4. Ngày 27/11/2022, chị Ph và anh D có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn D và chị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), bà L yêu cầu tính lãi đối với số tiền 90.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 27/11/2022 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (20 tháng) với số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), tổng cộng 105.000.000đ (Một trăm linh năm triệu đồng).

5. Ngày 29/01/2023, chị Ph và anh D có vay của bà Võ Thị Ph số tiền 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không

ghi vào biên nhận vay tiền. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà Võ Thị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn D và chị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng), bà Võ Thị Ph yêu cầu tính lãi đối với số tiền 90.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 29/01/2023 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (18 tháng) với số tiền 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng); tổng cộng 103.500.000đ (Một trăm linh ba triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Ngày 05/5/2022, chị Ph và anh D có vay bà Nguyễn Thị S (biệt danh là 10 R) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Ngày 25/11/2022, chị Ph và anh D có vay của bà Nguyễn Thị S (biệt danh là 10 R) số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 03 ngày, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền.

Ngày 26/11/2022, chị Ph và anh D có vay của tôi là Nguyễn Thị S (biệt danh là 10 R) số tiền 127.000.000đ (Một trăm hai mươi bảy triệu đồng), chị Ph đại diện viết biên nhận xác nhận số tiền đã vay. Thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất 1%/tháng, các bên thỏa thuận miệng không ghi vào biên nhận vay tiền. Đối với biên nhận vay số tiền 127.000.000đ đã bị thất lạc.

Đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà anh D và chị Ph không thực hiện nên bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xem xét, giải quyết buộc anh Lê Văn D và chị Đoàn Thị Ph có nghĩa vụ liên đới hoàn trả số tiền đã vay là 147.000.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng), bà S yêu cầu tính lãi đối với số tiền 147.000.000đ, lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (20 tháng) với số tiền 24.500.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng 171.500.000đ (Một trăm bảy mươi mốt triệu năm trăm nghìn đồng).

Theo đơn yêu cầu ngày 12/6/2023 và tại phiên tòa ông Lê Văn D trình bày:

Theo nội dung khởi kiện của các nguyên đơn, yêu cầu tôi và Đoàn Thị Ph có trách nhiệm trả cho các nguyên đơn số tiền gốc là 457.000.000 đồng và tiền lãi 19.875.000 đồng và tiếp tục trả lãi suất 10%/năm tính từ tháng 4/2023 đến khi xét xử xong vụ án. Tôi xin trình bày bà Đoàn Thị Ph có hợp đồng vay tiền với số lượng giá trị lớn, tôi không biết và cũng không có ký tên vào hợp đồng vay tiền (theo quy định việc giao dịch số tiền lớn phải có sự đồng ý của hai vợ chồng và cùng ký tên mới có giá trị và phải chịu trách nhiệm với số tiền cùng ký vay nợ). Mặc khác, bà Ph sử dụng số tiền trên mục đích làm gì tôi không biết, số tiền trên không phục vụ nhu cầu cho gia đình nên tôi không chịu trách nhiệm liên đới trả số tiền này.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 ông làm đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của Đoàn Thị Ph.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 ông khiếu nại kết luận giám định và đề nghị giám định lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre phát biểu:

+ Thẩm phán trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đại diện nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 26, 39 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 228, 463, 468 và 470 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, Tr, L và Ph. Buộc ông D và bà Ph liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị H 30.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 20/01/2023 đến ngày 02/8/2024 với suất 10%/năm; bà Nguyễn Thị Tr 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 20/6/2022 đến ngày 02/8/2024 với lãi suất 10%/năm; bà Huỳnh Thị L 90.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 90.000.000 đồng tính từ ngày 27/11/2022 đến ngày 02/8/2024 với lãi suất 10%/năm; bà Võ Thị Ph 90.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 90.000.000 đồng tính từ ngày 29/01/2023 đến ngày 02/8/2024 lãi suất 10%/năm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S (biệt danh 10 R) đối với số tiền 10.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 26/11/2023 đến ngày 02/8/2024 với lãi suất 10%/tháng. Bác yêu cầu của bà S về việc yêu cầu bà Ph và ông D liên đới thanh toán cho bà tiền gốc và lãi của 10.000.000 đồng 05/5/2022 và 127.000.000 đồng ngày 26/11/2022. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé H về việc yêu cầu bà Ph và ông D liên đới thanh toán cho 60.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền trên với lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã Ph, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng ông Lê Văn D, bà Đoàn Thị Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D, bà Ph.

[2] Về nội dung:

2.1 Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 447.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi tính đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm. Tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giấy mượn tiền có ký tên bà Ph, ghi họ và tên Đoàn Thị Ph. Tuy nhiên, bà Ph không có mặt nên không có lời trình bày, ông D không đồng ý chịu nghĩa vụ liên đới cùng trả.

Hội đồng xét xử xét thấy:

2.1 Đối với tài liệu, chứng cứ là giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp:

Bà Võ Thị Bé H (Võ Thị T) cho rằng vào ngày 04/5/2022 có cho chị Ph, anh D vay số tiền 50.000.000 đồng có viết biên nhận, ngày 23/4/2022 chị Ph và anh D có vay thêm 10.000.000 đồng, có viết biên nhận. Tuy nhiên, bà Bé H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bản chính giấy mượn tiền nêu trên để tiến hành trưng cầu giám định nên không có cơ sở chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị S (10 R) cho rằng vào ngày 26/11/2022 chị Ph và anh D có vay 127.000.000 đồng, có viết biên nhận. Tuy nhiên, bà S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là biên nhận nêu trên nên không có cơ sở chấp nhận.

2.2 Đối với yêu cầu trưng cầu giám định của ông Lê Văn D:

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 ông D làm đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Đoàn Thị Ph.

Kết luận giám định số: 758/2023/KL-KTHS ngày 16/10/2023 kết luận:

Chữ ký "Ph", chữ viết mang tên “Đoàn Thị Ph" trên các tài liệu cản giảm định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký, viết ra

Chữ ký (dạng chữ viết) “Ph” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A3 đến A5) so với chữ ký, chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) do cùng một người ký (viết) ra.

Chữ viết mang tên "Đoàn Thị Ph" trên các tài liệu cần giảm định (ký hiệu A5, A6) so với chữ viết trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M6) không phải do cùng một người viết ra.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023 ông khiếu nại kết luận giám định và đề nghị giám định lại tại Vụ khoa học hình sự, Bộ Công an.

Tòa án đã ra Thông báo số: 270/TB-TA ngày 16/01/2024 về việc nộp chi phí giám định lại. Tuy nhiên, ông D không nộp tạm ứng chi phí giám định theo thời hạn ghi trong thông báo nên xem như từ bỏ yêu cầu giám định lại.

Do đó, Tòa án căn cứ vào kết luận giám định số 758/2023/KL-KTHS ngày 16/10/2023 của Phòng kỷ thuật hình sự - Công an tỉnh Bến Tre làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tại giấy mượn tiền ký hiệu M6, kết luận giám định chữ viết "Đoàn Thị Ph" không phải do cùng một người viết ra nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (10 R).

2.3 Đối với yêu cầu nghĩa vụ liên đới của nguyên đơn: Tại văn bản số: 247/UBND-TP ngày 10/4/2024 xác nhận ông Lê Văn D và bà Đoàn Thị Ph sống chung như vợ chồng tại ấp Ph, xã Ph; Qua kiểm tra hồ sơ đăng ký kết hôn không có thông tin đăng ký kết hôn của ông Lê Văn D và bà Đàon Thị Ph. Tuy nhiên, theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn giao nộp thể hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 187, tờ bản đồ số 9 diện tích, 863,5m^2 tọa lạc tại ấp Ph, xã Ph cấp cho ông Lê Văn D và bà Đoàn Thị Ph đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, căn cứ vào Điều 288 Bộ luật dân sự 2015 cần buộc ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới cùng trả với bà Ph là phù hợp.

2.4 Về tiền lãi: Giấy mượn tiền các bên không ghi có thỏa thuận lãi suất, Tuy nhiên, đến hạn trả tiền nhưng bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng) là không vượt quá mức lãi suất quy định. Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định như sau:

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị H: Từ ngày 20/01/2023 đến ngày 02/8/2024: Số tiền 30.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng 12 ngày = 4.581.600 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tr: Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 02/8/2024: Số tiền 30.000.000 đồng x 0,83% x 25 tháng, 12 ngày = 6.324.600 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Huỳnh Thị L: Từ ngày 27/11/2022 đến ngày 02/8/2024: Số tiền 90.000.000 đồng x 0,83% x 20 tháng 05 ngày = 15.064.500 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Võ Thị Ph: Từ ngày 29/01/2023 đến ngày 02/8/2024: Số tiền 90.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng 03 ngày = 13.520.700 đồng.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (10 R): Từ ngày 26/11/2022 đến ngày 02/8/2024: Số tiền 10.000.000 đồng x 0,83% x 18 tháng 06 ngày = 1.510.600 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc bà Ph và ông D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền là 34.581.600 đồng, trả cho bà Tr số tiền 46.324.600 đồng; trả cho bà L số tiền là 105.064.500 đồng; trả cho bà Ph số tiền 103.520.700 đồng; trà cho bà S (10 R) số tiền 11.510.600 đồng.

2.5 Chi phí giám định là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, ông D có nghĩa vụ chịu và đã nộp xong.

[3] Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 và Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị H, bà Nguyễn Thị Tr, bà Huỳnh Thị L, bà Võ Thị Ph; Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (10 R); Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Bé H (Võ Thị T) đối với bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D.

Cụ thể tuyên.

Buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền là 34.581.600 (Ba mươi bốn triệu năm trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng.

Buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn Dcó nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho bà Nguyễn Thị Tr số tiền 46.324.600 (Bốn mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm) đồng.

Buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 105.064.500 (Một trăm lẽ năm triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm) đồng.

Buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho bà Võ Thị Ph số tiền 103.520.700 (Một trăm lẽ ba triệu năm trăm hai mươi nghìn bảy trăm) đồng.

Buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho trả cho bà Nguyễn Thị S (10 R) số tiền 11.510.600 (Mười một triệu năm trăm mười nghìn sáu trăm) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị Bé H (Võ Thị T) buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi 10%/năm, tính từ ngày 04/5/2022 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (27 tháng) với số tiền: 13.500.000đ (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng), tổng cộng 73.500.000đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng)..

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị S (10 R) buộc bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả số tiền gốc số tiền 137.000.000 đồng, và tiền lãi tính từ ngày 26/11/2022 đến ngày xét xử vụ án 02/8/2024 (20 tháng) với số tiền 22.742.200đ (Hai mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi hai ngìn hai trăm đồng). Tổng cộng 159.742.200đ (Một trăm năm mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm đồng).

4. Về án phí:

Bà Võ Thị Bé H có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.675.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền đã nộp 1.637.500 đồng theo biên lai thu số 0005700 ngày 05/5/2023. Bà Bé H còn phải nộp tiếp số tiền 2.037.500 (Hai triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm) đồng,

Bà Nguyễn Thị S (10 R) có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.987.110 (Bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn một trăm mười) đồng. Tuy nhiên, do bà S là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Bà Đoàn Thị Ph và ông Lê Văn D có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.050.000 (Mười lăm triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chi cục Thị hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn lại cho bà Võ Thị Ph số tiền 2.206.000 đồng theo biên lai số 0005697 ngày 05/5/2023; hoàn lại cho bà Huỳnh Thị L số tiền 2.344.000 đồng theo biên lai số 0005698 ngày 05/5/2023; hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Tr số tiền 1.062.500 đồng theo biên lai số 0005699 ngày 05/5/2023.

5. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Trí